2026-10-22 CSCA30_De_02_Cau_015

Mã bài CSCA30_De_02_Cau_015
Đề 02 · Câu 015 · Ngày 2026-10-22
Chương 11 - Vectơ mặt phẳng · Dễ

Kết quả / 答案 B

解题步骤 · Lời giải tiếng Trung

第1步：$2\vec{a} = (-2, 4)$。
→ 原理：向量坐标运算：对应坐标分别相加减，数乘时每个坐标都乘以 k。
第2步：$2\vec{a} + \vec{b} = (0, 3)$。
→ 原理：继续运用：向量坐标运算：对应坐标分别相加减，数乘时每个坐标都乘以 k。
说明：按对应坐标运算：$2\vec{a} + \vec{b} = (-2, 4) + (2, -1) = (0, 3)$。
结论：选 B。

Các bước giải · Lời giải tiếng Việt

Bước 1 – $2\vec{a} = (-2, 4)$.
→ Lý thuyết: Phép toán vectơ theo tọa độ: $(x_1, y_1) \pm (x_2, y_2) = (x_1 \pm x_2, y_1 \pm y_2)$ và $k(x, y) = (kx, ky)$ — làm riêng từng tọa độ.
Bước 2 – $2\vec{a} + \vec{b} = (-2 + 2,\ 4 - 1) = (0, 3)$.
→ Lý thuyết: tiếp tục áp dụng – Phép toán vectơ theo tọa độ: $(x_1, y_1) \pm (x_2, y_2) = (x_1 \pm x_2, y_1 \pm y_2)$ và $k(x, y) = (kx, ky)$ — làm riêng từng tọa độ.
Nhận xét: Nhân và cộng theo từng tọa độ: $2\vec{a} + \vec{b} = (-2, 4) + (2, -1) = (0, 3)$.
Kết luận: chọn B.

Mở đề bài / 查看题目